

Thông tin về biện pháp kỹ thuật đáp ứng yêu cầu nhập khẩu quả bưởi (*Citrus maxima*) sang thị trường Australia

PHẦN I. YÊU CẦU CHUNG

1.1. Mục đích

Tài liệu này được xây dựng nhằm thông tin chi tiết các hoạt động sản xuất tại vùng trồng và cơ sở đóng gói quả bưởi tươi (*Citrus maxima*) của Việt Nam xuất khẩu sang Australia đảm bảo đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về kiểm dịch thực vật, an toàn thực phẩm và chất lượng sản phẩm theo quy định của Bộ Nông nghiệp, Thủy sản và Lâm nghiệp Australia (DAFF) và Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (PPPD).

Tài liệu này nhằm:

- Hiểu rõ các điều kiện kỹ thuật bắt buộc trong sản xuất, giám sát sinh vật gây hại (SVGH), xử lý sau thu hoạch và đóng gói bưởi xuất khẩu.
- Thực hiện đúng và nhất quán các biện pháp quản lý rủi ro (risk management measures) đối với hai đối tượng kiểm dịch chính là Rầy chổng cánh châu Á (ACP) và bệnh loét cam quýt (Citrus canker).
- Thiết lập hệ thống truy xuất nguồn gốc minh bạch, có thể kiểm chứng, phù hợp với yêu cầu của Operational Work Plan (OWP) do hai cơ quan PPPD và DAFF cùng ban hành.
- Nâng cao năng lực tuân thủ quy định của chủ vùng trồng, chủ cơ sở đóng gói góp phần duy trì bền vững thị trường xuất khẩu bưởi sang Australia.

1.2. Phạm vi áp dụng

- Các vùng trồng và cơ sở đóng gói bưởi phục vụ xuất khẩu sang thị trường Australia.
- Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, các cơ quan chuyên ngành về Trồng trọt và Bảo vệ thực vật địa phương, phòng thí nghiệm giám định SVGH.

1.3. Căn cứ pháp lý và tài liệu tham khảo

- Operational Work Plan – Fresh Horticulture Exports from Viet Nam to Australia (Version 4.0, 2026);

- Nghị định 38/2026/NĐ-CP ngày 24/01/2026 về cây mang theo bầu đất và mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói;
- Các quy định, tiêu chuẩn quốc tế của IPPC/FAO liên quan đến kiểm dịch thực vật và xử lý sau thu hoạch (ISPM 2, 11, 20, 28, 43, 44).

1.4. Đối tượng sử dụng

- Tổ chức, cá nhân có vùng trồng bưởi được đăng ký xuất khẩu sang Australia;
- Đại diện cơ sở đóng gói và người phụ trách QA/QC;
- Các cơ quan chuyên ngành về Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tại Trung ương và địa phương;
- Các tổ chức, cá nhân và đối tác xuất khẩu bưởi sang thị trường Australia.

1.5. Nguyên tắc thực hiện chung

1. Tuân thủ các yêu cầu và biện pháp kiểm soát dịch hại nêu trong Operational Work Plan (OWP) giữa Việt Nam và Australia.
2. Đảm bảo sự liên kết đồng bộ giữa vùng trồng - cơ sở đóng gói dưới sự giám sát của cơ quan chuyên ngành về Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (gọi là cơ quan chuyên ngành) tại địa phương.
3. Mọi hoạt động của vùng trồng, cơ sở đóng gói như ghi chép, giám sát, lấy mẫu, xử lý và cấp chứng nhận phải có tài liệu kiểm chứng, lưu giữ tối thiểu hai (02) năm.

PHẦN II. VÙNG TRỒNG

2.1. Đăng ký và cấp mã số vùng trồng

- Việc đăng ký cấp và quản lý mã số vùng trồng được thực hiện theo trình tự, thủ tục tại các văn bản hiện hành.
- Hồ sơ đăng ký cần có bằng chứng để chứng minh việc: không phát hiện Rầy chổng cánh (ACP) và bệnh loét cam quýt (Citrus canker) tại thời điểm đề nghị cấp mã.
- Thực hiện chương trình giám sát dịch hại mà phía nước nhập khẩu quan tâm theo hướng dẫn tại mục 2.2.
- Cơ quan chuyên ngành tại địa phương chịu trách nhiệm hướng dẫn kỹ thuật, tổ chức thẩm định thực địa, kiểm tra hồ sơ, và đề xuất cấp mã theo hướng dẫn của PPPD.

2.2. Chương trình giám sát dịch hại (ACP và Citrus canker)

Các hướng dẫn bổ sung sau giúp thống nhất triển khai thực hiện:

a. Thiết kế điểm kiểm tra:

- Lựa chọn ngẫu nhiên 1% tổng số cây, phân bố đều trên toàn vùng;
- Ghi rõ vị trí tọa độ GPS từng điểm kiểm tra;
- Dán nhãn hoặc đánh dấu cây kiểm tra cố định để theo dõi dài hạn.

b. Giám sát Rầy chổng cánh (ACP):

- Đặt bẫy dính vàng với mật độ 1 bẫy/2 ha, cao 1,5–2,0 m gần tán non; và bẫy dính; tiến hành thay bẫy khi bẫy không còn hiệu quả;
- Giám sát rầy chổng cánh định kỳ 7–10 ngày/lần trong các đợt lộc; ngoài thời gian ra lộc kiểm tra khoảng 3 tuần/lần;
- Ghi nhận ngày kiểm tra, số lượng sinh vật gây hại vào từng bẫy, chụp ảnh.

c. Giám sát bệnh Citrus canker:

- Quan sát lá, cành, quả để phát hiện vết loét, chảy nhựa, lá rụng bất thường;

- Lấy mẫu gửi phòng thí nghiệm độc lập để thực hiện giám định SVGH theo quy trình 2.4.

d. Ngưỡng hành động:

- Khi phát hiện ACP sống hoặc triệu chứng bệnh loét cam quýt lập tức khoanh vùng, tạm dừng thu hoạch và thông báo ngay cho cơ quan chuyên ngành tại địa phương trong vòng 24 giờ.

e. Giám sát bệnh sâu vẽ bùa (Citrus leafminer)

- Giám sát hàng tuần trong thời kỳ ra lộc, chọn cây đại diện, kiểm tra chồi non, lá non tìm vết “vẽ bùa”.
- Biện pháp canh tác: bón phân cân đối, tưới nước hợp lý, tỉa cành thông thoáng, hạn chế ẩm độ, giữ và bảo vệ thiên địch (ong ký sinh, kiến vổng...), tránh bón thừa đạm.
- Bẫy: dùng bẫy dính vàng hoặc bẫy pheromone để xác định thời điểm phun thuốc bảo vệ thực vật hiệu quả.
- Nguyên tắc phun thuốc:
 - Chỉ phun khi mật độ cao.
 - Hoạt chất ưu tiên sử dụng có thể là: abamectin, emamectin benzoate, spinetoram, spinosad, imidacloprid, thiamethoxam, chlorantraniliprole...
 - Phun khi lá 5–10 ngày tuổi, lặp lại sau 6–7 ngày nếu cần.
 - Luân phiên nhóm thuốc để tránh kháng.

Yêu cầu về thuốc BVTV và chế phẩm sinh học:

- Chỉ sử dụng thuốc BVTV và chế phẩm sinh học đăng ký tại Việt Nam và phù hợp yêu cầu của Úc.

g. Yêu cầu lưu giữ hồ sơ

Nhân sự giám sát vườn phải có kiến thức, am hiểu và tuân thủ các yêu cầu kiểm dịch thực vật nước nhập khẩu trong quá trình đánh giá, đồng thời cung cấp bằng chứng cho thấy các hoạt động đã được triển khai đầy đủ.

- Các hoạt động theo dõi và kiểm soát SVGH phải được quy định rõ trong Quy trình thao tác chuẩn (SOP) được phê duyệt bởi cơ quan chuyên ngành tại địa

phương.

- Hồ sơ đào tạo về kỹ thuật giám sát và biện pháp kiểm soát SVGH.
- Sổ ghi chép theo dõi, kiểm soát SVGH.
- Nhật ký phun thuốc BVTV đối với rầy chổng cánh *Diaphorina citri* (ACP), sâu đục trái cam quýt (CC) và sâu vẽ bùa trên cây có múi (*Citrus leafminer*).
- Hồ sơ các biện pháp quản lý SVGH không dùng thuốc đối với ACP, CC và *Citrus leafminer* (ví dụ: biện pháp canh tác, cơ giới, sinh học, quản lý dịch hại tổng hợp IPHM).
- Danh sách và thông tin chi tiết các phòng thí nghiệm giám định SVGH; hồ sơ giám sát/kiểm tra; biên bản lấy mẫu hồ sơ kết quả giám định SVGH đã gửi.
- Kế hoạch vệ sinh vườn hoặc hồ sơ về việc thực hiện vệ sinh vườn (như tỉa cành, bảo dưỡng dụng cụ, thu gom – xử lý trái rụng và tàn dư cây trồng).

2.3. Nguồn gốc và chất lượng vật liệu trồng mới

- Cây giống và vật liệu nhân giống phải được kiểm tra bởi đơn vị phòng thí nghiệm giám định SVGH độc lập có phương pháp phù hợp để bảo đảm tuân thủ các yêu cầu về sản xuất cây giống sạch bệnh theo yêu cầu của OWP.
- Vật liệu trồng phải được sản xuất từ cây mẹ khỏe mạnh (elite mother trees), không mang mầm bệnh.
- Quá trình nhân giống phải tuân thủ quy trình kỹ thuật an toàn, sử dụng vật liệu sạch và biện pháp phòng ngừa nhằm hạn chế nguy cơ lây lan SVGH.

a. Yêu cầu lưu giữ hồ sơ

- Vùng trồng phải lưu đầy đủ hồ sơ liên quan đến vật liệu trồng mới, bao gồm:
 - Tên, địa chỉ và thông tin đăng ký của vườn ươm cung cấp.
 - Hồ sơ về tiếp nhận, sử dụng, bảo quản cây giống/vật liệu trồng, và các hoạt động nhân giống (nếu thực hiện trong vùng).
- Toàn bộ hồ sơ phải được lưu trữ, cập nhật thường xuyên và sẵn sàng cung cấp khi cơ quan chuyên ngành yêu cầu để phục vụ việc kiểm tra, đánh giá hoặc truy xuất nguồn gốc.

b. Yêu cầu riêng đối với vườn trồng bưởi mới thành lập

- Đối với các vườn mới thành lập, kết quả giám định vật liệu trồng được sử dụng phải được lưu giữ để chứng minh rằng cây giống không mang các SVGH thuộc đối tượng quản lý được nêu trong OWP tại thời điểm thiết lập vườn.
- Yêu cầu này nhằm bảo đảm rằng vườn mới được thiết lập từ nguồn giống sạch bệnh, phù hợp phương pháp tiếp cận theo hệ thống (systems approach) của OWP.

c. Phạm vi áp dụng

- Quy định về giám định SVGH trên vật liệu trồng chỉ áp dụng đối với vườn mới thành lập.
- Các vườn trồng bưởi đã tồn tại trước khi tài liệu hướng dẫn này được ban hành không phải thực hiện yêu cầu kiểm tra vật liệu trồng (trừ những cây được trồng mới).

Để đảm bảo tính nhất quán trong triển khai, quy định về xét nghiệm vật liệu trồng được phân loại dựa trên mốc thời gian thiết lập vườn như sau:

- Vườn hiện hữu: Là vườn đã hoàn thiện việc trồng trước ngày 01/01/2026. Các vườn này không phải thực hiện yêu cầu xét nghiệm vật liệu trồng theo OWP 4.0, thay vào đó áp dụng cơ chế giám sát định kỳ tại mục 2.3.d.
- Vườn mới thành lập: Là vườn được thiết lập mới hoàn toàn hoặc các phần diện tích được trồng mới bổ sung (trồng dặm, mở rộng) từ ngày 01/01/2026 trở về sau. Các diện tích này bắt buộc phải cung cấp hồ sơ chứng minh vật liệu trồng không mang mầm bệnh theo yêu cầu tại mục 2.3.b.

d. Đối với các vườn hiện hữu

- Việc bảo đảm tình trạng không nhiễm các đối tượng kiểm dịch như Citrus canker và các tác nhân liên quan đến rầy chổng cánh châu Á (ACP) sẽ được thực hiện thông qua:
 - Giám sát và theo dõi sinh vật gây hại định kỳ tại vườn.
 - Ghi chép đầy đủ tình hình sâu bệnh và biện pháp xử lý.
 - Khi cần thiết, tiến hành giám định SVGH trên chẩn đoán có mục tiêu tại phòng thí nghiệm giám định SVGH theo đúng hướng dẫn của OWP.
- Các biện pháp này thay thế cho yêu cầu giám định SVGH vật liệu trồng đối với các vườn đã có sẵn và bảo đảm duy trì tình trạng không nhiễm SVGH theo phương pháp tiếp cận theo hệ thống.

2.4. Lấy mẫu và xét nghiệm độc lập

Mục tiêu

Chứng minh tình trạng không nhiễm đối tượng dịch hại kiểm dịch (ACP, Citrus canker) trước khi cấp mã hoặc khi giám sát định kỳ.

Phương pháp

a. Chọn mẫu:

- Phương pháp thu mẫu đối với Citrus canker

- Lấy mẫu lá non và quả đại diện toàn vùng, ít nhất lấy mẫu 5 điểm /ha.
- Mỗi mẫu gồm 10 lá và 5 quả, bảo quản trong túi kín, ghi rõ mã vùng, vị trí GPS, ngày lấy.

- Phương pháp thu mẫu đối với loài ACP

- Theo TCVN 13268-4:2021: Điều tra trực tiếp trên lá, nếu phát hiện SVGH nghi ngờ là rầy chổng cánh, dùng ống hút côn trùng để thu thập, sau đó ngâm trong cồn 70 độ và gửi về các phòng thí nghiệm để giám định SVGH
- Theo OWP của Úc: Trong trường hợp bẫy dính, hàng tuần kiểm tra bẫy dính, nếu phát hiện SVGH nghi ngờ rầy chổng cánh, dùng bút lông mềm thu thập vào ống nhựa có chứa cồn 70 độ sau đó gửi về phòng thí nghiệm để giám định danh loài dịch hại. Lưu ý thay bẫy dính định kỳ (2-3 tuần/ lần) để bảo đảm hiệu quả của việc giám sát.

b. Bàn giao mẫu:

- Mẫu được lập biên bản bàn giao cho phòng thử nghiệm độc lập, có chữ ký của người lấy mẫu và đại diện cơ quan giám sát.

c. Giám định:

- Thực hiện bởi phòng thí nghiệm giám định SVGH có phương pháp giám định phù hợp với loài mà phía Australia quan tâm.

d. Kết quả:

- Kết quả âm tính là điều kiện cần để vùng trồng được xem xét cấp hoặc duy trì mã số xuất khẩu.

- Nếu kết quả dương tính thì vùng trồng sẽ bị tạm dừng và phải áp dụng biện pháp khắc phục hiệu quả. Mã số này chỉ được khôi phục sau khi có kết quả xét nghiệm âm tính 2 lần liên tiếp, thời gian cách nhau ít nhất 30 ngày.

2.5. Duy trì và giám sát sau cấp mã số

a. Tần suất giám sát:

- Thực hiện việc giám sát SVGH định kỳ theo chương trình (tối thiểu 1 lần/tháng giai đoạn không có quả, 2 lần/tháng giai đoạn có quả).
- Cơ quan chuyên ngành có thể kiểm tra đột xuất khi có cảnh báo từ DAFF hoặc phát hiện bất thường.

b. Tạm dừng:

- Có phát hiện ACP hoặc Citrus canker trong vùng trồng;
- Không duy trì hồ sơ truy xuất hoặc không hợp tác trong giám sát.

c. Khôi phục mã số:

- Sau khi hoàn tất biện pháp khắc phục, có kết quả âm tính 2 lần liên tiếp cách nhau, thời gian ít nhất 30 ngày và được cơ quan chuyên ngành về trồng trọt và bảo vệ thực vật tại địa phương xác nhận đủ điều kiện trở lại.

2.6. Vệ sinh và kiểm soát di chuyển

Người vào vườn phải được yêu cầu khử trùng bằng các chất sát khuẩn đã được phê duyệt (ví dụ: cồn 70%, NaOCl 1%) trước khi tiếp xúc với cây trồng.

- Phương tiện, máy móc, thiết bị và dụng cụ, bao gồm cả thùng chứa dùng cho thu hoạch và vận chuyển, phải được làm sạch và khử trùng trước khi bắt đầu thu hoạch và trước mỗi lần di chuyển trái cây ra khỏi vườn.
- Quả sau thu hoạch không được phép tiếp xúc trực tiếp với đất hoặc các bề mặt bẩn; các loại thùng, dụng cụ phải được bảo dưỡng thường xuyên và lưu trữ tại khu vực sạch; tránh nhiễm chéo từ các nguồn gây ô nhiễm hoặc SVGH.
- Chỉ thu hoạch trái từ vùng trồng đã đăng ký và không có phát hiện ACP hoặc Citrus canker trong giám sát. Thu hoạch trái không bị hư hại, không có triệu chứng bệnh hoặc khuyết tật nghiêm trọng, không được thu trái rụng dưới đất.

- Các hồ sơ liên quan đến hoạt động vệ sinh và khử trùng trong vườn (bằng chứng việc rửa, khử trùng, hồ sơ huấn luyện nhân sự...) phải được ghi chép và lưu giữ đầy đủ.

2.7. Hồ sơ, báo cáo và truy xuất

a. Lưu trữ hồ sơ

Mỗi vùng trồng phải duy trì bộ hồ sơ tối thiểu gồm:

- Hồ sơ đăng ký và kiểm tra thực tế;
- Nhật ký canh tác, nhật ký quản lý SVGH;
- Kết quả giám sát, nhật ký bẫy;
- Biên bản lấy mẫu và kết quả giám định;
- Báo cáo khắc phục (nếu có);
- Hồ sơ giám sát định kỳ của cơ quan chuyên ngành.

Hồ sơ được lưu giữ tối thiểu 02 năm, sẵn sàng cung cấp khi có yêu cầu từ PPPD hoặc DAFF.

b. Truy xuất nguồn gốc

- Mỗi lô bưởi xuất khẩu phải được liên kết với mã vùng trồng, ngày thu hoạch, nhật ký canh tác và biên bản giám sát gần nhất.
- Cơ sở đóng gói chỉ tiếp nhận trái cây từ vùng trồng được phê duyệt và có mã số hợp lệ. Mỗi lô hàng phải có phiếu giao quả hoặc biên bản giao nhận ghi rõ mã số vùng trồng, khối lượng và xác nhận của đại diện vùng trồng.

2.8. Giám sát vùng trồng

- Hàng năm, vùng trồng sẽ phải chịu sự giám sát định kỳ của cơ quan chuyên ngành về trồng trọt và bảo vệ thực vật tại địa phương nếu muốn tiếp tục duy trì mã số. Ngoài ra, vùng trồng có thể nằm trong chương trình giám sát hàng năm của PPPD hoặc DAFF.
- Hàng năm, vùng trồng cần đánh giá nội bộ việc tuân thủ theo tài liệu này, ghi rõ điểm mạnh – điểm cần cải thiện.

- Cơ quan chuyên ngành về trồng trọt và bảo vệ thực vật tại địa phương tổng hợp kết quả giám sát gửi PPPD để cập nhật danh sách vùng trồng đủ điều kiện xuất khẩu.
- Các phát hiện lặp lại hoặc vi phạm nhiều lần phải được phân tích nguyên nhân và có kế hoạch khắc phục.

PHẦN III. CƠ SỞ ĐÓNG GÓI

1. Yêu cầu chung và bắt buộc theo OWP

Các điều kiện, yêu cầu kiểm soát đối với cơ sở đóng gói được quy định tại **Phần B6, B8** và Phụ lục 1 của OWP, bao gồm các nội dung:

- Điều kiện cơ sở vật chất và vệ sinh nhà xưởng;
- Quy định về xử lý (rửa, chải, bọc sáp (wax), phân loại...);
- Đóng gói và dán nhãn;
- Yêu cầu về bao bì kín không để côn trùng xâm nhập;
- Điều kiện lưu kho, vận chuyển và bảo đảm an toàn sinh học.

2. Các thông tin bổ sung trong tài liệu này

Phần này cụ thể hóa **những yêu cầu mà OWP chưa nêu chi tiết**, nhằm giúp cơ sở dễ dàng thực hiện đúng và thống nhất.

2.1. Tiếp nhận và xử lý nguyên liệu

a. Nguồn nguyên liệu

- Chỉ tiếp nhận quả có mã số vùng trồng hợp lệ, kèm theo phiếu giao nhận nguyên liệu ghi thông tin tối thiểu gồm: mã vùng, khối lượng, thời gian tiếp nhận, tên và chữ ký người đại diện vùng trồng.
- Quả phải được thu hoạch, bảo quản và vận chuyển theo đúng điều kiện quy định trong Phụ lục 1 của OWP.

b. Kiểm tra ban đầu

- Loại bỏ ngay các quả có vết loét (Citrus canker), vết chích hút, vết dập, hoặc có côn trùng sống.
- Các lô hàng không đạt phải được cách ly và ghi nhận nguyên nhân loại bỏ.

2.2. Quy trình rửa và khử trùng bề mặt bằng Chlorine (nếu áp dụng)

(trường hợp cơ sở đóng gói áp dụng biện pháp khử trùng bề mặt bằng Chlorine thì có thể tham khảo theo quy trình sau)

a. Chuẩn bị dung dịch chlorine

- Sử dụng chlorine có hoạt chất $\geq 5\%$.
- Pha đạt nồng độ 200 ± 20 ppm, pH từ 6,5–7,5.
- Kiểm tra nồng độ bằng test DPD kit mỗi 2 giờ/lần hoặc khi thay nước.
- Thay dung dịch khi nồng độ <150 ppm hoặc nước bị đục.

b. Thao tác rửa

- Ngâm quả 1–2 phút, đảo nhẹ để toàn bộ bề mặt tiếp xúc với dung dịch.
- Sau khi ngâm, rửa lại bằng nước sạch để loại bỏ dư lượng chlorine.
- Chuyển ngay sang công đoạn chải và làm khô.

c. Xử lý nước thải chlorine

- Thu nước thải vào bể trung gian, trung hòa bằng $\text{Na}_2\text{S}_2\text{O}_3$ hoặc sodium bisulfite trước khi xả ra môi trường.
- Ghi chép đầy đủ trong “Nhật ký kiểm tra chlorine & xử lý nước thải”.

2.3. Quản lý SVGH bằng biện pháp cơ lý trong nhà đóng gói (bổ sung)

Để loại bỏ trứng, ấu trùng hoặc côn trùng sống (bọ trĩ, rệp sáp, rệp vảy, nhện đỏ, ACP trưởng thành) còn sót lại trên bề mặt quả trước khi đóng gói. Các cơ sở đóng gói xem xét áp dụng tất cả các biện pháp sau:

- Rửa và chải cơ học: Dùng nước sạch để rửa nguyên liệu sau đó thì chải bằng bàn chải mềm hoặc băng chuyền con lăn.
- Nếu sử dụng phương pháp thổi khí nén: Dùng luồng khí sạch (áp suất 0,3–0,5 MPa) thổi toàn bề mặt quả, đặc biệt quanh cuống và rãnh vỏ.
- Lọc và thu gom rác, vỏ, xác côn trùng ở bể rửa và băng chuyền mỗi ca, xử lý như chất thải nguy cơ sinh học.
- Bảo quản trong kho kín ở nhiệt độ phù hợp nhằm ức chế hoạt động của bọ trĩ, rệp, nhện.

2.4. Làm khô, phân loại và phủ sáp

- **Làm khô:** sử dụng gió lạnh hoặc quạt gió $\leq 35^\circ\text{C}$; không phơi nắng.
- **Phân loại:** loại bỏ quả hư hỏng, chia theo kích cỡ đồng đều.

- **Phủ sáp:** chỉ sử dụng loại sáp dành cho thực phẩm (ví dụ: carnauba, shellac hoặc tương đương), phủ lớp mỏng, đều; ghi chép loại sáp, ngày, người thao tác vào nhật ký.

2.5. Đóng gói, dán nhãn và lưu kho

- Thực hiện theo quy định tại Section B8 của OWP và Attachment 1 – Systems Approach, bao gồm yêu cầu:
 - Bao bì (thùng carton) kín hoặc có lỗ thông hơi được bịt bằng lưới/ màng lọc có kích thước $\leq 1,6$ mm;
 - Nhãn ghi đầy đủ: “Pomelo – Product of Viet Nam”, mã vùng trồng, mã cơ sở đóng gói, mã chiếu xạ (TIN), mã nhà máy xử lý (TFC), ngày xử lý, số lô;
 - Bảo quản hàng trong khu vực “chống côn trùng”, có bẫy dính và đèn UV;
 - Thời gian lưu kho không quá 05 ngày trước khi chiếu xạ.
- Cơ sở nên thiết lập sơ đồ kho lưu, ghi rõ vị trí từng lô, mã vùng và thời gian xử lý.
- Khu tiếp nhận phải tách biệt vật lý với khu xử lý & kho thành phẩm.

2.6. Giám sát, vệ sinh và ghi chép

a) Giám sát quy trình

- Mỗi ngày sản xuất, ghi nhận:
 - Số lượng và mã số vùng trồng của các lô hàng được xử lý.
 - Quy trình rửa và khử trùng bề mặt bằng Chlorine (nếu áp dụng biện pháp).
- Mẫu biểu: *Bảng kiểm vận hành hàng ngày*.

b) Kiểm tra SVGH tại cơ sở đóng gói

- Cơ sở đóng gói tự thực hiện quy trình kiểm tra ngẫu nhiên 600 quả/lô sau xử lý để bảo đảm không còn sinh vật sống (theo ISPM 23).
- Ghi nhận kết quả vào “Nhật ký kiểm soát dịch hại cơ học/lý học”, nêu rõ ngày, biện pháp, người thực hiện, tình trạng thiết bị.

- Khi phát hiện vẫn có đối tượng kiểm dịch thực vật sống thì cần cách ly lô hàng, thực hiện làm sạch lại (re-cleaning) hoặc tái xử lý (reconditioning) theo OWP B10.4 – B10.5 và báo cáo lại cho cơ quan chuyên ngành về trồng trọt và bảo vệ thực vật tại địa phương.

c) Vệ sinh và an toàn sinh học

- Cuối mỗi ca, vệ sinh toàn bộ khu vực xử lý, sàn, thiết bị, băng chuyền, thùng chứa bằng dung dịch sát khuẩn được phép sử dụng.
- Đặt bẫy côn trùng (bẫy đèn) và kiểm tra hàng tuần; ghi nhận số lượng côn trùng và thời điểm kiểm tra, thay bẫy.
- Khu vực sản xuất phải đóng kín khi không hoạt động.

d) Yêu cầu lưu giữ hồ sơ

- Tài liệu kỹ thuật (ví dụ: Bảng dữ liệu an toàn hóa chất – Material Safety Data Sheet hoặc tài liệu tương đương) cho tất cả các hóa chất sử dụng trong vệ sinh/khử trùng và các hoạt động liên quan.
- Hồ sơ từng lô hàng từ khâu tiếp nhận nguyên liệu đến thành phẩm.
- Bản kế hoạch vệ sinh của nhà máy đóng gói phải được mô tả trong SOP của riêng nhà máy và SOP đó phải được phê duyệt bởi cơ quan được giao thẩm quyền bởi PPPD.
- Có hồ sơ đào tạo nhân viên để đảm bảo họ thực hiện đúng và hiệu quả các hoạt động vệ sinh, khử trùng hoặc liên quan. Có hồ sơ bảo trì bể rửa/thiết bị rửa.

2.7. Truy xuất nguồn gốc

Mỗi lô hàng cần có bộ hồ sơ truy xuất liên kết đầy đủ thông tin sau:

1. Mã số vùng trồng và phiếu giao nhận sản phẩm từ vùng trồng;
2. Nếu xử lý chlorine; thì ghi lại thời gian, nồng độ, người thao tác;
3. Nhật ký tiếp nhận phân loại và đóng gói;
4. Biên bản kiểm tra nội bộ;
5. Phiếu giao hàng đi chiếu xạ; thời gian chiếu xạ.

Hồ sơ lưu **tối thiểu 02 năm**, dưới dạng giấy hoặc điện tử.

2.8. Đánh giá và giám sát

- Cơ sở tổ chức giám sát nội bộ hằng năm, xác định điểm tuân thủ và điểm cần cải thiện. Định kỳ 6 tháng/lần đánh giá mức độ giảm nhiễm SVGH so với trước khi bổ sung biện pháp cơ học/lý học; nếu vẫn còn phát hiện tái nhiễm SVGH, cần rà soát bổ sung thêm biện pháp khác.
- Khi phát hiện vi phạm (ví dụ: dư lượng chlorine thấp, nhiễm côn trùng sống, kho hở côn trùng) cần lập Báo cáo khắc phục (Corrective Action Report) nêu rõ nguyên nhân, biện pháp và thời gian hoàn thành hoặc có biện pháp quản lý phù hợp khi phát hiện nguy cơ có thể dẫn đến vi phạm không tuân thủ.
- Hàng năm, cơ sở sẽ phải chịu sự giám sát định kỳ của cơ quan chuyên ngành về trồng trọt và bảo vệ thực vật tại địa phương nếu muốn tiếp tục duy trì mã số. Ngoài ra, cơ sở đóng gói có thể nằm trong chương trình giám sát hàng năm của PPPD hoặc DAFF.